CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Đầu tư và Xây lắp Sông Đà

Ngày 31/12/2024	1,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**-6.3%**	**-**

DT thuần
Q4/24
4.08
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.32| 8.6%
YoY: ▼8.52| -67.6%

LN thuần
Q4/24
-2.56
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.86| -50.5%
YoY: ▲ 1.65| 39.2%

LN sau thuế
Q4/24
-2.56
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.68| -36.3%
YoY: ▲ 1.65| 39.1%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
-70.8%
YoY: +/-▼ 52.0%

ROE
2024
-16.1%
YoY: +/-▲ 0.8%

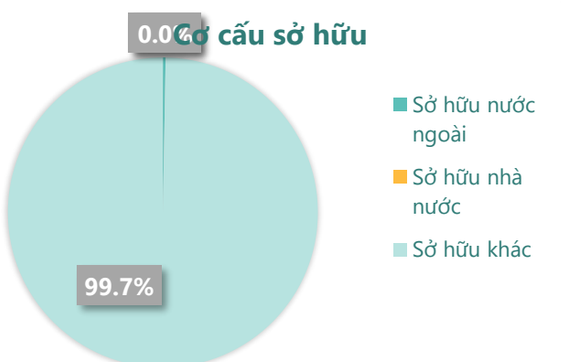
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,400 - 2,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	24
Số lượng CPLH (CP)	16,007,334
KLGD BQ 20 phiên (CP)	51,900
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.51
EPS	-1,003
P/E	-1.5

DT thuần
2024
12.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼45.1| -78.1%

LN thuần
2024
-14.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.10| -0.4%

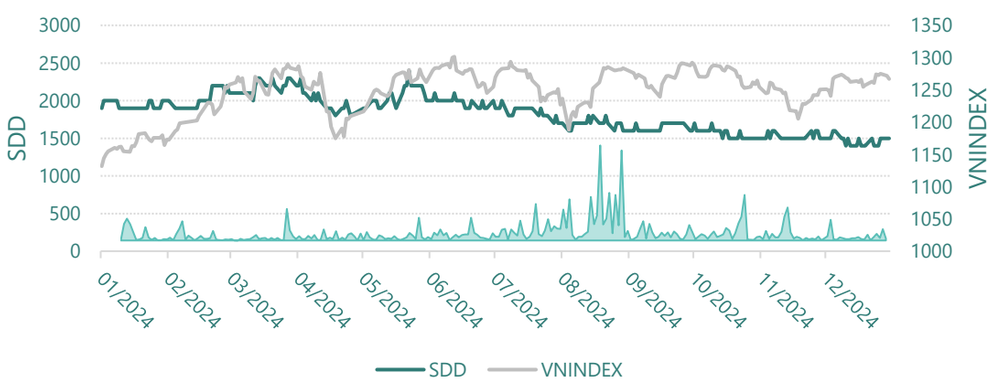
LN sau thuế
2024
-16.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.70| 19.1%

Cơ cấu sở hữu

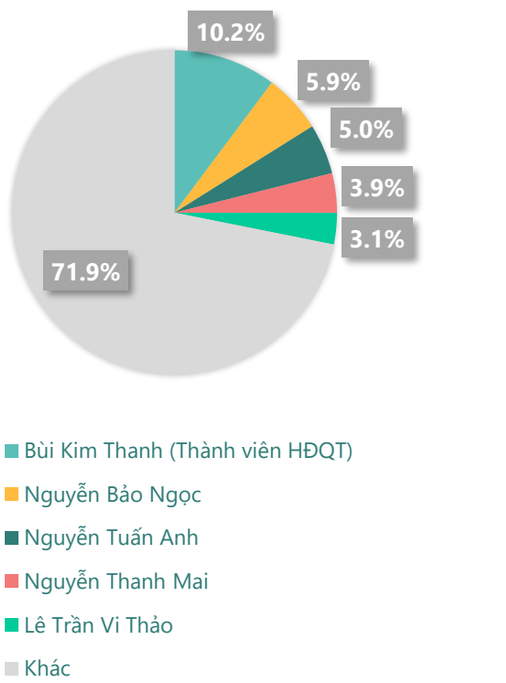


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



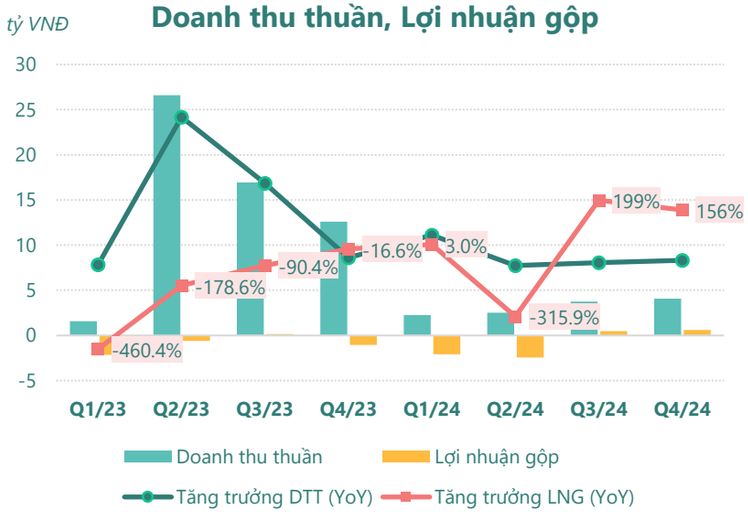
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

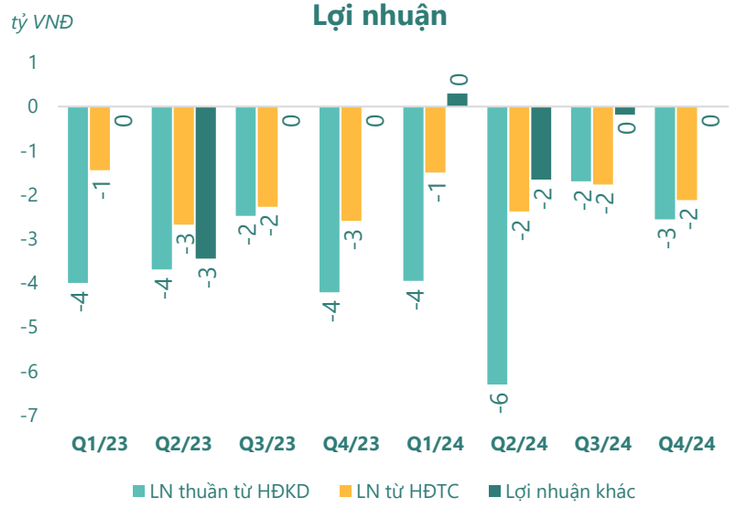
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



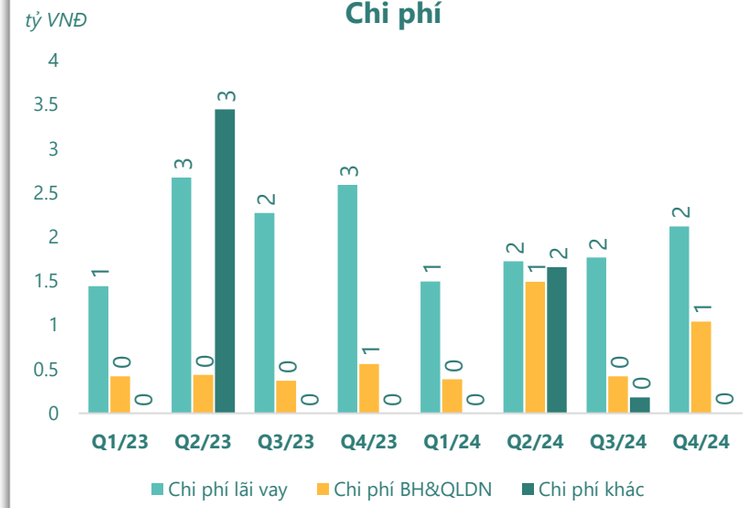
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



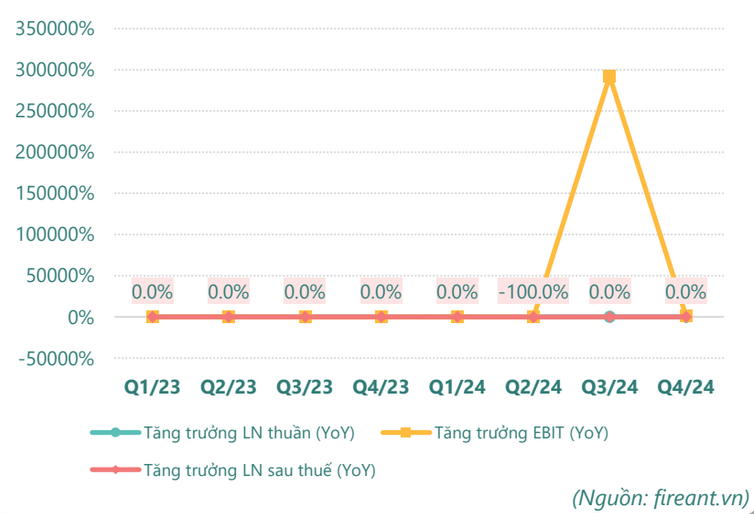
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



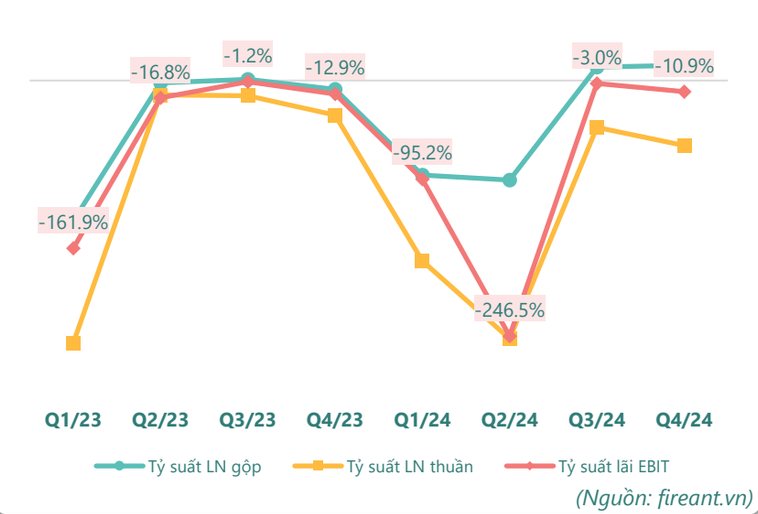
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



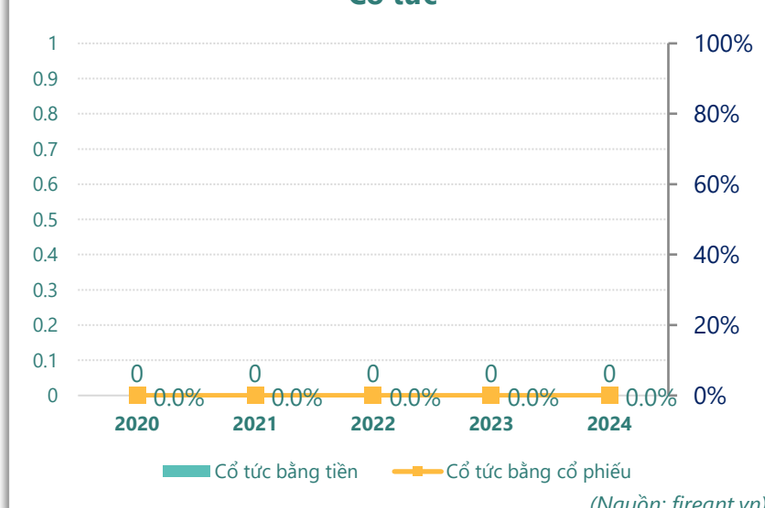
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

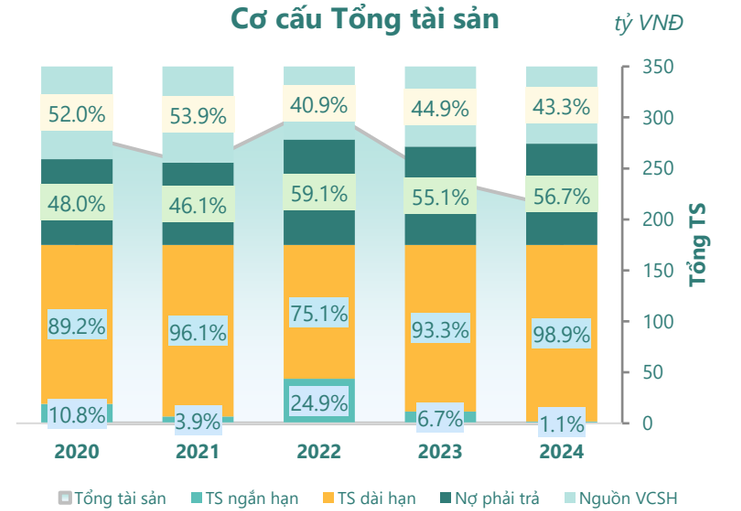
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

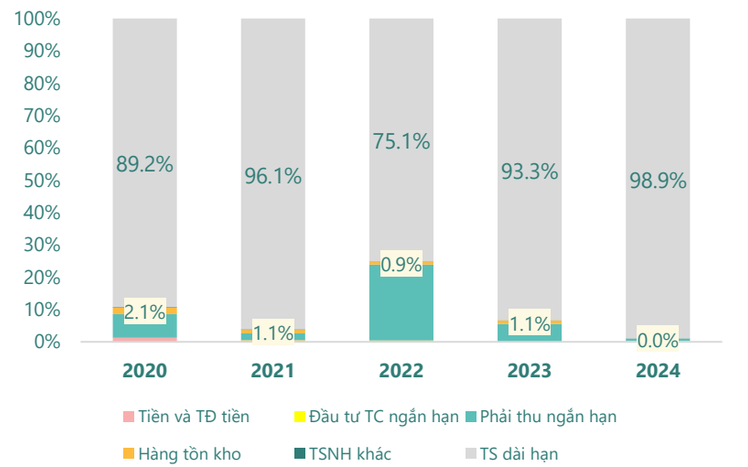
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



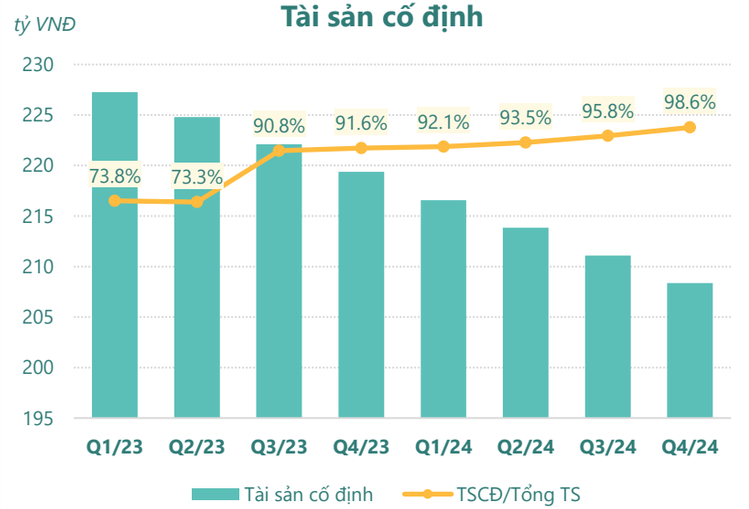
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



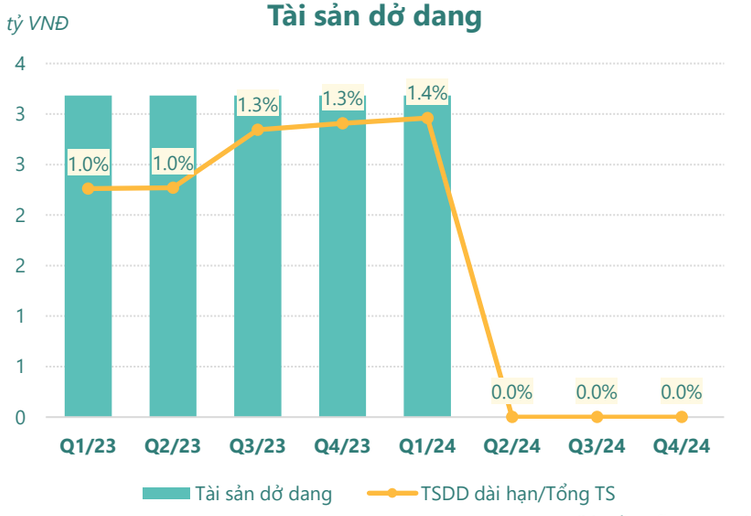
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



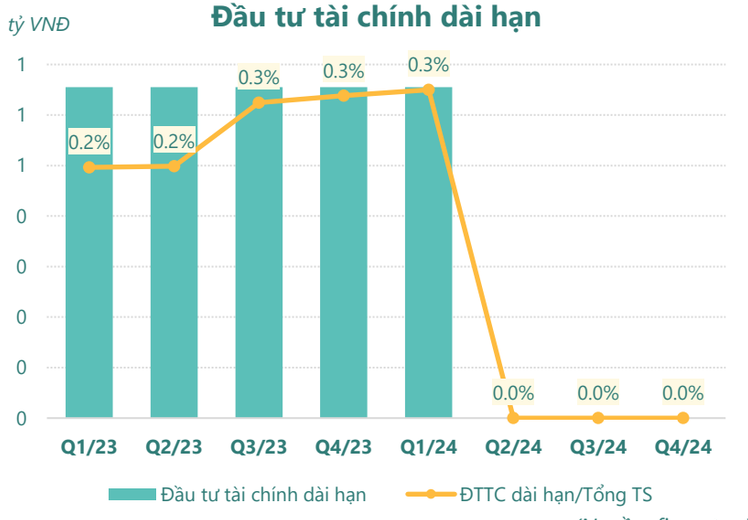
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



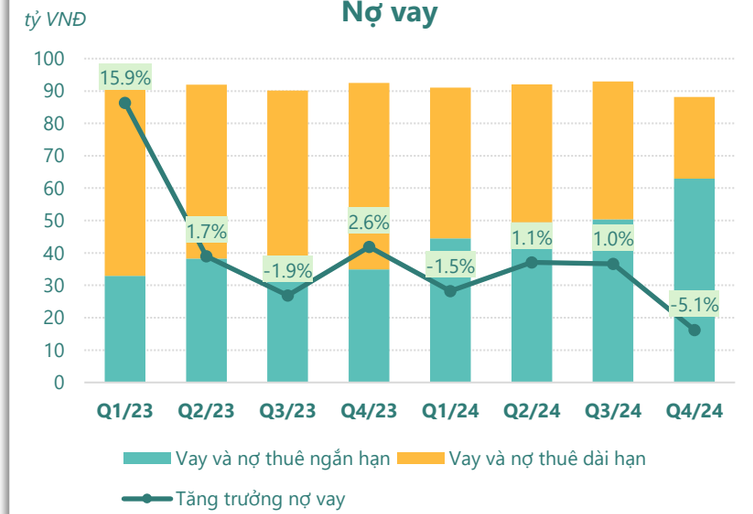
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

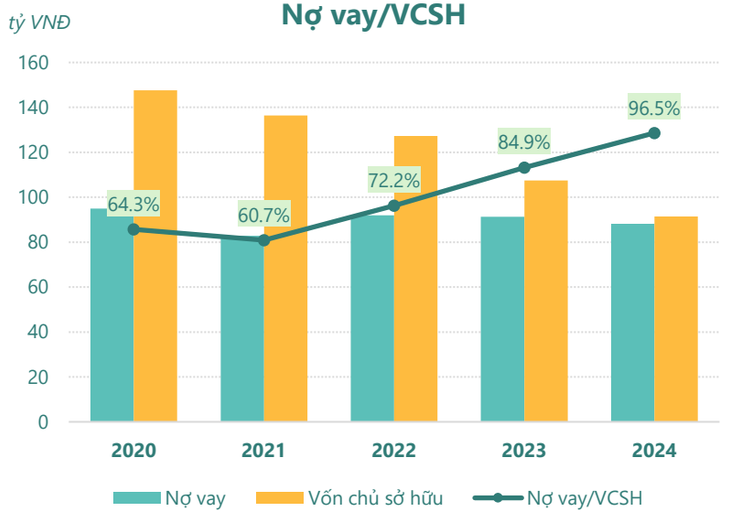
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

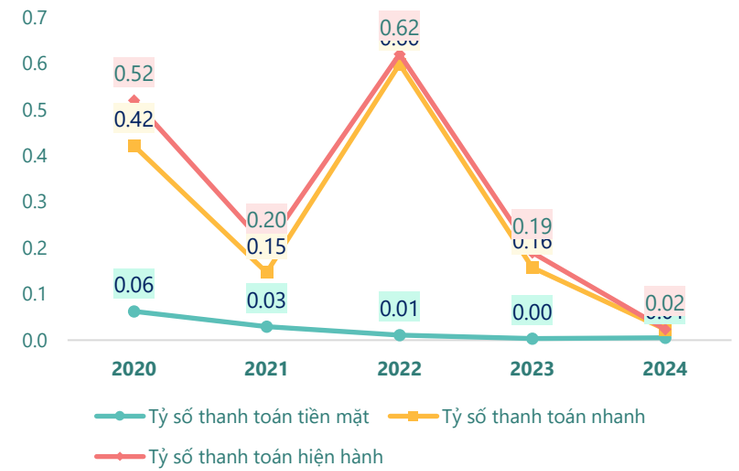
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



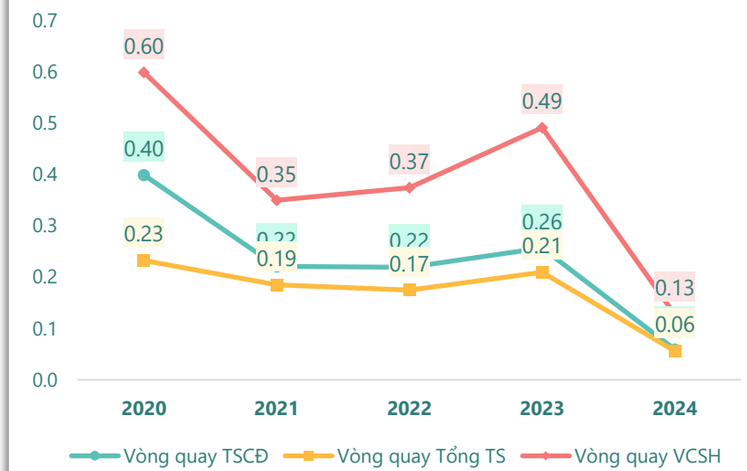
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



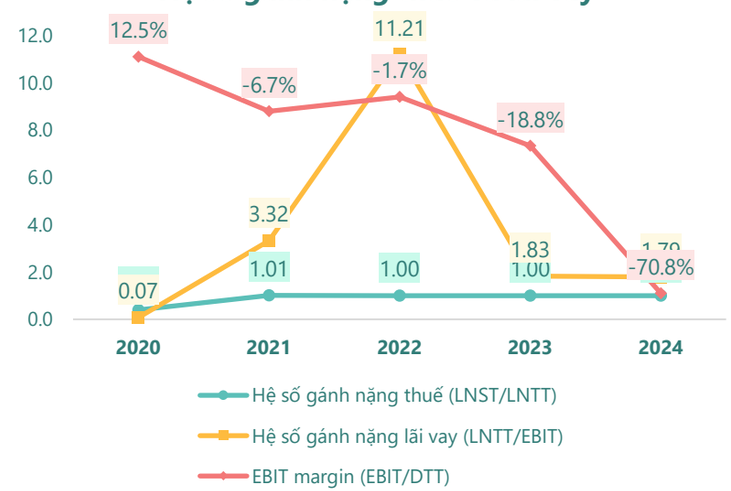
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



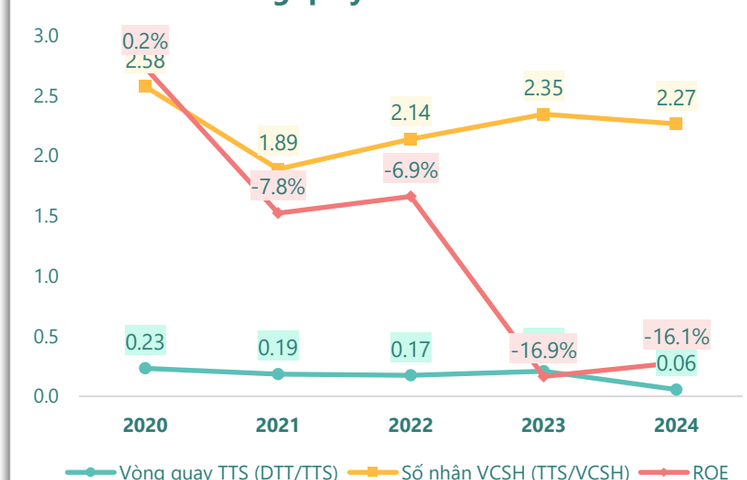
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



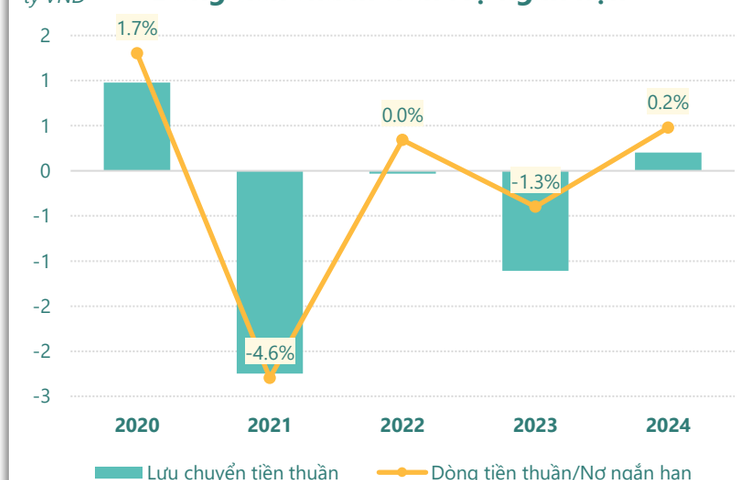
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**4.08**	**12.6**	**-67.6%**	**12.6**	**57.7**	**-78.1%**
Giá vốn hàng bán	3.48	13.6	-74.4%	16.1	61.4	-73.8%
Lợi nhuận gộp	0.60	-1.06	157%	-3.42	-3.68	7.2%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	28.0%
Chi phí TC	2.12	2.59	-18.2%	7.76	8.97	-13.6%
Chi phí lãi vay	2.12	2.59	-18.2%	7.10	8.97	-20.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.04**	**0.56**	**85.5%**	**3.33**	**1.78**	**86.9%**
LN thuần từ HĐKD	-2.56	-4.21	39.2%	-14.5	-14.4	-0.4%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**-1.54**	**-5.40**	**71.4%**
LN trước thuế	-2.56	-4.21	39.1%	-16.1	-19.8	19.1%
Lợi nhuận sau thuế	**-2.56**	**-4.21**	**39.1%**	**-16.1**	**-19.8**	**19.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-2.56**	**-4.21**	**39.1%**	**-16.1**	**-19.8**	**19.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.07	0.12	0.03	-1.05	-0.91	5.25
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.30	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.25	-0.38	-0.26	1.02	0.90	-4.78
Tiền đầu kỳ	0.44	0.25	0.29	0.07	0.03	0.02
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.18**	**0.04**	**-0.23**	**-0.03**	**-0.01**	**0.47**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.25	0.30	0.07	0.03	0.02	0.50

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**211**	**239**	**-11.8%**
Tài sản ngắn hạn	2.23	15.9	-86.0%
Tiền và tương đương tiền	0.50	0.29	68.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	1.61	12.9	-87.5%
Hàng tồn kho	0	2.71	-100%
Tài sản ngắn hạn khác	0.12	0.05	124%
Tài sản dài hạn	**209**	**223**	**-6.5%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	208	219	-5.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	3.18	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0.66	-100%
Tài sản dài hạn khác	**0.66**	**0.33**	**98.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	120	132	-9.2%
Nợ ngắn hạn	**94.6**	**83.9**	**12.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	63.0	44.8	40.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	11.9	24.9	-52.1%
Nợ dài hạn	25.2	48.0	-47.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	25.2	46.5	-45.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**91.4**	**107**	**-14.9%**
Vốn chủ sở hữu	**91.4**	**107**	**-14.9%**
Vốn điều lệ	160	160	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)